

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHỈ TÍNH CH

Chương trình đào tạo: **SINH HỌC**
Trình độ đào tạo: **CAO HỌC**
Ngành đào tạo: **SƯ PHẠM SINH HỌC**
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 441/QĐ-CTSP-TĐ ngày 01 tháng 9 năm 2009
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Huế)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo giáo viên ngành Cao học Sư phạm Sinh học tốt nghiệp trình độ cao học nhằm đào tạo giáo viên trung học cơ sở (THCS), đáp ứng các yêu cầu của Giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chương trình phải thể hiện các liên thông lên đào tạo trình độ thạc sĩ. Giáo viên ngành Sinh học THCS cần có tố chất tốt nghiệp, phẩm chất tốt nghiệp, có sức khoẻ, có năng lực giáo dục, có khả năng dạy tốt chương trình Sinh học THCS mới, đáp ứng các yêu cầu của giáo dục trong tương lai; có khả năng nghiên cứu, tổ chức công tác khoa học giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo sinh viên tốt nghiệp ngành Cao học Sư phạm Sinh học phải:

- Có nhận thức chính trị của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam: có thế quan duy vật biện chứng, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức xã hội, công tác, tác phong người thầy giáo.

- Có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ làm tốt công việc yêu cầu của mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả

giáo dục môn Sinh học trường THCS, áp dụng yêu cầu phát triển giáo dục THCS và quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sản xuất công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; có tỉ lệ không ngừng hoàn thiện trình độ toàn bộ, và nâng lên áp dụng những yêu cầu mới.

- Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng sư phạm ngành Sinh học phải làm tốt công tác chuyên môn, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tại trường THCS.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm, chia làm 6 học kỳ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 105 tín chỉ, chia các phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh.

4. Vị trí ngành tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo quy định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

6. Thời gian: 10

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình đào tạo

105 tín chỉ

| | | |
|--------------|--|-----------|
| 7.1.1 | Kiến thức giáo dục tích hợp thi u (Chia các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - AN) | 31 |
| 7.1.2 | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thi u Trong đó thi u: | 74 |
| | - Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 16 |
| | - Kiến thức ngành (kiến thức chuyên ngành) | 37 |
| | - Kiến thức bổ trợ (tự chọn) | 02 |
| | - Thực hành, thực tập và khóa luận | 19 |

7.2. Khối kiến thức

| TT | Mã HP | Kh i ki n th c/ tên h c ph n | S TC | Lo i gi t n ch | | | | |
|------------|---------------|--|-----------|----------------|----------------|-------|------|---------------|
| | | | | Lên l p | | TH/TN | T NC | HP tiên quy t |
| | | | | LT | TL/ Bài t p | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| A | | Kh i ki n th c giáo d c i c ng | | | | | | |
| I | | Lý lu n chính tr | 10 | | | | | |
| 1 | 101001 | Nh ng nguyên lý c b n c a CN Mác-Lênin 1 | 2 | 2 | | | | |
| 2 | 101002 | Nh ng nguyên lý c b n c a CN Mác-Lênin 2 | 3 | 3 | | | | 101001 |
| 3 | 101003 | T t ng H Chí Minh | 2 | 2 | | | | |
| 4 | 101007 | ng l i cách m ng c a ng CS Vi t Nam | 3 | 3 | | | | |
| II | | Ngo i ng và tin h c không chuyên | 9 | | | | | |
| 1 | 160001 | Ti ng Anh 1 | 3 | 3 | | | | |
| 2 | 160002 | Ti ng Anh 2 | 2 | 2 | | | | 160001 |
| 3 | 160003 | Ti ng Anh 3 | 2 | 2 | | | | 160002 |
| 4 | 162001 | Tin h c i c ng | 2 | 2 | | | | |
| III | 172001 | Giáo d c th ch t | 3 | | | | | |
| IV | 175001 | Giáo d c qu c phòng | 6 | | | | | |
| V | | Khoa h c t nhiên | 8 | | | | | |
| 1 | 120005 | Xác su t th ng kê | 2 | 2 | | | | |
| 2 | 120008 | Toán cao c p | 4 | 4 | | | | |
| 3 | 122005 | Hoá h c i c ng | 2 | 2 | | | | |
| VI | | Khoa h c xã h i và nhân v n | 2 | | | | | |
| 1 | 102002 | QLHC Nhà n c và qu n lý ngành | 2 | 2 | | | | |
| VII | | T ch n (SV ch n ½ HP – 2 TC) | 2 | | | | | |
| 1 | 103114 | <i>Khoa h c giao ti p</i> | 2 | 2 | | | | 103001 |
| 2 | 123426 | <i>i c ng khoa h c v trái t</i> | 2 | 2 | | | | |
| B | | Kh i ki n th c giáo d c chuyên nghi p | | | | | | |
| I | | Kh i KT c s kh i ngành và ngành | 16 | | | | | |
| 1 | 103001 | Tâm lý h c i c ng | 2 | 2 | | | | |
| 2 | 103106 | TLH l a tu i và Tâm lý h c s ph m | 3 | 3 | | | | 103001 |
| 3 | 103107 | Giáo d c h c i c ng | 2 | 2 | | | | |
| 4 | 103108 | Ho t ng d y h c tr ng THCS | 2 | 2 | | | | 103107 |
| 5 | 103109 | Ho t ng giáo d c tr ng THCS | 2 | 2 | | | | |
| 6 | 173101 | Công tác i TNTP H Chí Minh | 2 | 2 | | | | |
| 7 | 122003 | Hóa phân tích | 3 | 3 | | | | 122005 |
| II | | Ki n th c ngành | 37 | | | | | |
| 1 | 122002 | Hoá sinh h c | 2 | 1 | | 1 | | 122005 |
| 2 | 123423 | Hình thái - Gi i ph u th c v th c | 3 | 2 | | 1 | | |
| 3 | 123431 | Phân lo i h c th c v t | 2 | 1 | | 1 | | 123423 |

| | | | | | | | | |
|------------|--------|---|-----------|---|---|---|--|--------|
| 4 | 123427 | Sinh lý h c th c v t | 3 | 2 | | 1 | | |
| 5 | 123425 | ng v t h c không x ng s ng | 3 | 2 | | 1 | | |
| 6 | 123428 | ng v t h c có x ng s ng | 3 | 2 | | 1 | | 123425 |
| 7 | 123430 | Sinh thái h c và môi tr ng | 3 | 3 | | | | 123423 |
| 8 | 123432 | Gi i ph u sinh lý ng i + Th c hành | 4 | 4 | | | | |
| 9 | 123438 | Di truy n h c | 3 | 2 | | 1 | | 122002 |
| 10 | 123429 | i c ng PPDH Sinh h c | 3 | 2 | 1 | | | 103001 |
| 11 | 123433 | PPDH Sinh h c tr ng THCS | 4 | 3 | 1 | | | 123429 |
| 12 | 123424 | T bào h c | 2 | 2 | | | | |
| 13 | 123434 | Ti n hoá và a d ng sinh h c | 2 | 2 | | | | |
| III | | T ch n (SV ch n 1/2 HP – 2 tc) | 2 | | | | | |
| 1 | 123436 | <i>Công ngh sinh h c</i> | 2 | 2 | | | | |
| 2 | 123401 | <i>Dân s - MT - AIDS - Ma tuý</i> | 2 | 2 | | | | |
| IV | | Th c hành, th c t p, khóa lu n | 19 | | | | | |
| 1 | 123435 | Nghiên c u th c t thiên nhiên (1 tu n) | 2 | | | 2 | | 123431 |
| 2 | 123952 | Th c t p n m 2 | 3 | | | 3 | | |
| 3 | 123953 | Th c t p n m 3 | 6 | | | 6 | | |
| 4 | 123951 | Rèn luy n nghi p v s ph m | 3 | | | 3 | | |
| 5 | 123954 | Khóa lu n | 5 | 5 | | | | |
| | | HP thay khóa lu n | | | | | | |
| 1 | 123955 | <i>Vi sinh v t h c</i> | 3 | 3 | | | | 122002 |
| 2 | 123956 | <i>o l ng và ánh giá k t qu h c t p c a HS trong DH Sinh h c tr ng THCS</i> | 2 | 2 | | | | 123429 |
| | | T ng s toàn khóa | | | | | | |

**HI U TR NG
CH T CH H KH& T**